Isa

Chapter 28

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

נֹבֵל	וְצִיץ	אֶפְרַיִם	שִׁכֹּרֵי	גְּאוּת	עֲטֶרֶת	הוֹי	1
tàn–héo	và–hoa	Ép-ra-im	của–những–kẻ–say–rượu	kiêu–ngạo	mão–triều–thiên	Khốn–thay	
		H0669	H7910	H1348	H5850	H1945	

יָיִן׃	הַלְומֵי	שְׁמָנִים	גֵּיא־	רֹאשׁ	עַל־	אֲשֶׁר	תִּפְאַרְתּוֹ	צְבִי
rượu	kẻ–bị–rượu–đánh–ngã	màu–mỡ	thung–lũng	đỉnh	nơi	trên	vinh–hiển–nó	vẻ–đẹp
H3196	H1986	H8081	H1516				H8597	

> Khốn thay cho mão triều thiên kiêu ngạo của những bợm rượu Ép-ra-im, khốn thay cho hoa chóng tàn làm đồ trang sức đẹp nhứt dân ấy, đóng tại nơi trũng màu mỡ của những người say rượu?

קָטֶב	שַׂעַר	בָּרָד	כְּזֶרֶם	לַאדֹנָי	וְאַמִּץ	חָזָק	הִנֵּה	2
huỷ–diệt	gió–bão	mưa–đá	như–bão–tố	của–Chúa	và–hùng–dũng	mạnh–mẽ	Kìa	
H6986		H1259	H2230	H0136	H0533	H2389	H2009	

בְּיָד׃	לָאָרֶץ	הִנִּיחַ	שִׁטְפָּם	כַּבִּירִים	מַיִם	כְּזֶרֶם
bằng–tay	đất	Ngài–quăng–xuống	cuốn–trôi	mạnh–mẽ	nước	như–bão–tố
H3027	H0776	H3240	H7857	H3524	H4325	H2230

> Nầy, từ nơi Chúa có một người mạnh và có quyền, giống như cơn bão mưa đá, như trận gió phá hại, như nước lớn vỡ bờ. Người sẽ lấy tay ném cả xuống đất.

אֶפְרַיִם׃	שִׁכֹּרֵי	גְּאוּת	עֲטֶרֶת	תִּרְמַסְנָה	בְּרַגְלַיִם	3
Ép-ra-im	kẻ–say–rượu	kiêu–ngạo	mão–triều–thiên	bị–giày–đạp	Dưới–chân	
H0669	H7910	H1348	H5850	H7429	H7272	

> Mão triều thiên kiêu ngạo của những bợm rượu Ép-ra-im sẽ bị giày đạp dưới chơn.

גֵּיא	רֹאשׁ	עַל־	אֲשֶׁר	תִּפְאַרְתּוֹ	צְבִי	נֹבֵל	צִיצַת	וְהָיְתָה	4
thung–lũng	đỉnh	nơi	trên	vinh–hiển–nó	vẻ–đẹp	tàn–úa	hoa	Và–sẽ–trở–nên	
H1516				H8597			H6733	H1961	

בְּעוֹדָהּ	אוֹתָהּ	הָרֹאֶה	יִרְאֶה	אֲשֶׁר	קַיִץ	בְּטֶרֶם	כְּבִכּוּרָה׃	שְׁמָנִים
vừa–khi–còn	nó	người–thấy	ai–thấy	khi	mùa–hè	trước	như–trái–đầu–mùa	màu–mỡ
H5750	H0853	H7200	H7200		H7019	H2962	H1061	H8081

ס	יִבְלָעֶנָּה׃	בְכַפּוֹ
[ký hiệu]	liền–nuốt–nó	trong–tay
	H1104	H3709

> Cái hoa chóng tàn làm đồ trang sức đẹp nhứt dân ấy, đóng tại nơi trũng màu mỡ, cũng sẽ giống như trái vả chín trước mùa hè: người ta thấy nó, vừa mới vào tay thì đã nuốt.

וְלִצְפִירַת	צְבִי	לַעֲטֶרֶת	צְבָאוֹת	יְהוָה	יִהְיֶה	הַהוּא	בַּיּוֹם	5
và–vòng–hoa	vinh–hiển	mão–triều–thiên	Vạn–Quân	Đức–Giê-hô-va	sẽ–là	ấy	Trong–ngày	
H6843		H5850		H3068	H1961	H1931	H3117	

עַמּוֹ׃	לִשְׁאָר	תִּפְאָרָה
dân–Ngài	cho–dân–sót–lại	tôn–quý
	H7605	H8597

> Trong ngày đó, Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ trở nên mão triều thiên chói sáng và mão miện rực rỡ của dân sót Ngài;

מְשִׁיבֵי	וְלִגְבוּרָה	הַמִּשְׁפָּט	עַל־	לַיּוֹשֵׁב	מִשְׁפָּט	וּלְרוּחַ		6
cho–kẻ–đẩy–lùi	và–là–sức–mạnh	ghế–xét–xử	trên	cho–kẻ–ngồi	công–lý	Và–là–thần		
H7725	H1369	H4941		H3427	H4941	H7307		

ס	שָׁעְרָה׃	מִלְחָמָה
[ký hiệu]	từ–cổng–thành	chiến–trận
	H8179	H4421

> sẽ trở nên thần công chính cho kẻ ngồi trên tòa xét đoán, và sức mạnh cho những kẻ đuổi giặc nơi cửa thành.

כֹּהֵן	תָּעוּ	וּבַשֵּׁכָר	שָׁגוּ	בַּיַּיִן	אֵלֶּה	וְגַם־		7
thầy–tế–lễ	lầm–lạc	và–vì–rượu–mạnh	lạc–lối	vì–rượu	những–người–này	Nhưng–cũng		
H3548	H8582	H7941	H7686	H3196	H0428	H1571		

הַשֵּׁכָר	מִן־	תָּעוּ	הַיַּיִן	מִן־	נִבְלְעוּ	בַּשֵּׁכָר	שָׁגוּ	וְנָבִיא
rượu–mạnh	bởi	lầm–lạc	rượu	bởi	bị–nuốt–chừng	vì–rượu–mạnh	lạc–lối	và–tiên–tri
H7941		H8582	H3196		H1104	H7941	H7686	H5030

פְּלִילִיָּה׃	פָּקוּ	בָּרְאֵה	שָׁגוּ
trong–phán–xét	loang–choang	trong–khải–tượng	lạc–lối
H6417	H6328		H7686

> Song những kẻ ấy cũng choáng váng vì rượu, xiêu tó vì các thứ rượu mạnh. Thầy tế lễ và đấng tiên tri đều choáng váng vì rượu mạnh, bị rượu nuốt đi, nhơn các thứ rượu mạnh mà xoàng ba; xem sự hiện thấy thì cắt nghĩa sai, xử kiện thì vấp ngã;

ס	מָקוֹם׃	בְּלִי	צֹאָה	קִיא	מָלְאוּ	שֻׁלְחָנוֹת	כָּל־	כִּי	8
[ký hiệu]	chỗ–nào	không–còn	dơ–bẩn	đồ–mửa	đầy	bàn–ăn	mọi	Vì	
	H4725	H1097	H6675		H4390	H7979	H3605		

> mửa ra ô uế đầy bàn tiệc, chẳng có chỗ nào sạch!

שְׁמוּעָה	יָבִין	מִי	וְאֶת־	דֵּעָה	יוֹרֶה	מִי	אֶת־		9
sứ–điệp	Ngài–giải–nghĩa	ai	và–[đối tượng]	tri–thức	Ngài–dạy	ai	[đối tượng]		
H8052	H0995	H4310	H0853	H1844		H4310	H0853		

מִשָּׁדַיִם׃	עַתִּיקֵי	מֵחָלָב	גְּמוּלֵי
vú–mẹ	vừa–rời	cai–sữa	những–đứa–trẻ–vừa
	H6267	H2461	H1580

> Vậy người sẽ dạy khôn cho ai, và khiến ai hiểu sẽ dạy dỗ mình? Có phải là dạy cho những trẻ con thôi bú, mới lìa khỏi vú chăng?

שָׁם	זְעֵיר	לָקָו	קָו	לָקָו	קָו	לָצָו	צָו	לָצָו	צָו	כִּי	10
đây	một–chút	luật	luật–trên	luật	luật–trên	lệnh	lệnh–trên	lệnh	lệnh–trên	Vì	
H8033	H2191					H6673	H6673	H6673	H6673		

שָׁם׃	זְעֵיר
đó	một–chút
H8033	H2191

> Vì, với họ phải giềng mối thêm giềng mối, giềng mối thêm giềng mối; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ nầy, một chút chỗ kia!

הַזֶּה׃	הָעָם	אֶל־	יְדַבֵּר	אַחֵרֶת	וּבְלָשׁוֹן	שָׂפָה	בִּלְעֲגֵי	כִּי	11
này	dân	với	Ngài–sẽ–nói	khác	và–bằng–lưỡi	môi	bằng–môi–đục–đẽ	Vì	
H2088		H0413	H1696	H0312	H3956	H8193	H3934		

> Vậy nên Đức Giê-hô-va sẽ dùng môi lạ lưỡi khác mà phán cùng dân nầy.

וְזֹאת לֶעָיֵף הָנִיחוּ הַמְנוּחָה זֹאת אֲלֵיהֶם אָמַר וְאַשֶּׁר 12
và–đây người–mệt–nhọc hãy–cho là–sự–yên–nghỉ đây với–họ đã–phán là–Đấng
H2063 H5889 H5117 H4496 H2063 H0413 H0559

שְׁמוֹעַ׃ אָבוּא וְלֹא הַמַּרְגֵּעָה
nghe muốn nhưng–họ–không là–sự–an–ủi
H8085 H0014 H3808 H4774

Ngài đã phán cùng nó rằng: Đây là nơi yên nghỉ; hãy để kẻ mệt nhọc được yên nghỉ. Nầy là lúc mát mẻ cho các ngươi. Thế mà họ chẳng chịu nghe.

קָו לָצָו צָו לָצָו צָו יְהוָה דְּבַר־ לָהֶם וְהָיָה 13
luật–trên lệnh lệnh–trên lệnh lệnh–trên Đức–Giê-hô-va lời cho–họ Và–sẽ–thành
H6673 H6673 H6673 H6673 H3068 H1697 H1992 H1961

אָחוֹר וְכָשְׁלוּ יֵלְכוּ לְמַעַן שָׁם זְעֵיר שָׁם זְעֵיר לָקָו קָו לָקָו
phía–sau và–vấp–ngã họ–đi để đó một–chút đây một–chút luật luật–trên luật
H0268 H3782 H3212 H4616 H8033 H2191 H8033 H2191

פ וְנִלְכְּדוּ׃ וְנוֹקְשׁוּ וְנִשְׁבָּרוּ
[ký hiệu] và–bị–bắt và–bị–mắc–bẫy và–bị–gãy
H3920 H3369 H7665

Lời Đức Giê-hô-va đối với họ sẽ là giềng mối thêm giềng mối, giềng mối thêm giềng mối; hàng thêm hàng, hàng thêm hàng; một chút chỗ nầy, một chút chỗ kia; hầu cho họ bước tới, thì ngã nhào và giập nát, sập bẫy, và bị bắt!

מֹשְׁלֵי לָצוֹן אַנְשֵׁי יְהוָה דְּבַר־ שִׁמְעוּ לָכֵן 14
hỡi–những–kẻ–cai–trị nhạo–báng hỡi–những–người Đức–Giê-hô-va lời hãy–nghe Vì–vậy
H4910 H3944 H0376 H3068 H1697 H8085

בִּירוּשָׁלִָם׃ אֲשֶׁר הַזֶּה הָעָם
Giê-ru-sa-lem tại này dân
H3389 H2088

Vậy nên, hỡi các ngươi là những người ngạo mạn, cai trị dân nầy ở Giê-ru-sa-lem, hãy nghe lời của Đức Giê-hô-va.

שְׁאוֹל וְעִם־ מָוֶת אֶת־ בְּרִית כָּרַתְנוּ אֲמַרְתֶּם כִּי 15
âm–phủ và–với sự–chết với giao–ước chúng–tôi–đã–lập các–ngươi–nói Vì
H7585 H4194 H0854 H1285 H3772 H0559

לֹא)יַעֲבֹר( ]עבר[כִּי־ שׁוֹטֵף)שׁוֹט( ]שׁיט[חֹזֶה עָשִׂינוּ
không nó–đi–qua [biến thể] khi cuốn–trôi tai–họa [biến thể] giao–ước chúng–tôi–đã–làm
H3808 H7857 H7752 H7885 H2374

וּבַשֶּׁקֶר מַחְסֵנוּ כָּזָב שָׂמְנוּ כִּי יְבוֹאֵנוּ
và–trong–sự–giả–dối làm–nơi–nương–náu sự–dối–trá chúng–tôi–lấy vì đến–chúng–tôi
H8267 H4268 H3577 H0935

ס נִסְתָּרְנוּ׃
[ký hiệu] chúng–tôi–ẩn–núp
H5641

Vì các ngươi nói rằng: Chúng ta đã kết ước với sự chết, và giao ước cùng nơi âm phủ. Khi tai nạn hủy diệt trải qua, sẽ chẳng chạm đến ta đâu. Chúng ta lấy sự nói dối là nơi nương náu, sự gian lận làm nơi ẩn mình.

אֶבֶן בְּצִיּוֹן יִסַּד הִנְנִי יְהוִה אֲדֹנָי אָמַר כֹּה לָכֵן 16
một–hòn–đá tại–Si-ôn sẽ–đặt này–Ta Đức–Giê-hô-va Chúa Chúa–phán như–vậy Vì–vậy
H0068 H6726 H3245 H2009 H3069 H0136 H0559 H3541

יָחִישׁ׃ לֹא הַמַּאֲמִין מוּסָּד מוֹסָד יִקַּרַת פִּנַּת בֹּחַן אֶבֶן
vội–vã không ai–tin vững–chắc nền–tảng quý–giá đá–góc thử–nghiệm hòn–đá
H3808 H0539 H3245 H4143 H3368 H6438 H0976 H0068

> Vậy nên, Chúa Giê-hô-va phán như vầy: Nầy, ta đặt tại Si-ôn một hòn đá để làm nền, là đá đã thử nghiệm, là đá góc quí báu, là nền bền vững: ai tin sẽ chẳng gấp rúc.

17

וְיָעָה	לְמִשְׁקֶלֶת	וּצְדָקָה	לְקָו	מִשְׁפָּט	וְשַׂמְתִּי
và-mưa-đá-sẽ-cuốn-trôi	làm-quả-dọi	và-sự-công-chính	làm-dây-đo	công-lý	Và-Ta-sẽ-lấy
H3261	H4949	H6666		H4941	

יִשְׁטְפוּ׃	מַיִם	וְסֵתֶר	כָּזָב	מַחְסֵה	בָּרָד
sẽ-cuốn-trôi	nước	và-nơi-ẩn-náu	dối-trá	nơi-nương-náu	mưa-đá
H7857	H4325		H3577	H4268	H1259

> Ta sẽ lấy sự chánh trực làm dây đo, sự công bình làm chuẩn mực; mưa đó sẽ hủy diệt nơi ẩn náu bằng sự nói dối, nước sẽ ngập chỗ nương náu.

18

שְׁאוֹל	אֶת־	וְחָזוּתְכֶם	מָוֶת	אֶת־	בְּרִיתְכֶם	וְכֹפֶר
âm-phủ	với	và-thỏa-thuận-các-ngươi	sự-chết	với	giao-ước-các-ngươi	Và-sẽ-bị-hủy-bỏ
H7585	H0854	H2380	H4194	H0854	H1285	

לְמִרְמָס׃	לוֹ	וְהְיִיתֶם	יַעֲבֹר	כִּי	שׁוֹטֵף	שׁוֹט	תָּקוּם	לֹא
giày-đạp	nó	các-ngươi-sẽ-bị	nó-đi-qua	khi	cuốn-trôi	tai-họa	còn-đứng	không
H4823		H1961			H7857	H7752		H3808

> Bấy giờ ước các ngươi kết với sự chết sẽ phế đi, ước các ngươi giao cùng nơi âm phủ sẽ không đứng được. Khi tai nạn hủy diệt trải qua, các ngươi đều bị giày đạp.

19

יַעֲבֹר	בַּבֹּקֶר	בַּבֹּקֶר	כִּי־	אֶתְכֶם	יִקַּח	עָבְרוֹ	מֵדֵי
nó-đi-qua	sáng	mỗi-buổi-sáng	vì	các-ngươi	nó-bắt-lấy	nó-đi-qua	Mỗi-khi
	H1242	H1242		H0853	H3947		H1767

שְׁמוּעָה׃	הָבִין	זְוָעָה	רַק־	וְהָיָה	וּבַלַּיְלָה	בַּיּוֹם
sứ-điệp	khi-hiểu-được	kinh-hoàng	toàn	và-chỉ	và-ban-đêm	ban-ngày
H8052	H0995	H2113	H7535	H1961	H3915	H3117

> Mỗi lần tai nạn trải qua, sẽ bắt lấy các ngươi, vì nó trải qua mọi buổi sớm mai, ngày và đêm; chỉ có sự kính sợ làm cho các ngươi hiểu biết lời dạy ấy.

20

כְּהִתְכַּנָּס׃	צָרָה	וְהַמַּסֵּכָה	מֵהִשְׁתָּרֵעַ	הַמַּצָּע	קָצַר	כִּי־
để-đắp	quá-chật	và-chăn	không-đủ-để-duỗi	giường	giường-quá-ngắn	Vì
H3664			H8311	H4702		

> Giường ngắn quá không thể duỗi mình; nền hẹp quá không thể quấn mình.

21

בְּגִבְעוֹן	כְּעֵמֶק	יְהוָה	יָקוּם	פְּרָצִים	כְּהַר־	כִּי
Ghi-bê-ôn	như-trong-thung-lũng	Đức-Giê-hô-va	sẽ-đứng-lên	Phê-ra-xim	như-trên-núi	Vì
H1391	H6010	H3068		H6559	H2022	

נָכְרִיָּה	עֲבֹדָתוֹ	וְלַעֲבֹד	מַעֲשֵׂהוּ	זָר	מַעֲשֵׂהוּ	לַעֲשׂוֹת	יִרְגָּז
xa-lạ	công-việc-Ngài	và-để-thi-hành	việc-Ngài	lạ-lùng	việc-Ngài	để-làm	Ngài-rung-động
H5237	H5656	H5647	H4639		H4639		H7264

עֲבֹדָתוֹ׃
công-việc-Ngài
H5656

> Vì Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên như ở núi Phê-ra-xim; Ngài nổi giận như tại trũng Ga-ba-ôn, đặng làm việc Ngài, là việc khác thường, và làm công Ngài, là công lạ lùng.

כָּלָה	כִּי־	מוֹסְרֵיכֶם	יֶחֱזָקוּ	פֶּן־	תִּתְלוֹצָצוּ	אַל־	וְעַתָּה			22
sự–hủy–diệt	vì	xiềng–xích–các–ngươi	xiết–chặt–hơn	kẻ–ko	nhạo–báng	đừng	Và–bây–giờ			
H3617		H4147	H2388	H6435	H3887	H0408	H6258			
הָאָרֶץ׃	כָּל־	עַל־	צְבָאוֹת	יְהוִה	אֲדֹנָי	מֵאֵת	שָׁמַעְתִּי	וְנֶחֱרָצָה		
đất	khắp	trên	Vạn–Quân	Đức–Giê-hô-va	Chúa	từ	tôi–đã–nghe	và–quyết–định		
H0776	H3605			H3069	H0136	H0854	H8085	H2782		

Vậy bây giờ, đừng khinh lờn nữa, e dây tói càng buộc chặt các ngươi chẳng; vì ta có nghe từ nơi Chúa, là Đức Giê-hô-va vạn quân, lịnh truyền hủy diệt cả đất.

אִמְרָתִי׃	וְשִׁמְעוּ	הַקְשִׁיבוּ	קוֹלִי	וְשִׁמְעוּ	הַאֲזִינוּ	23
lời–tôi	và–hãy–nghe	hãy–chú–ý	tiếng–tôi	và–hãy–nghe	Hãy–lắng–tai	
	H8085	H7181		H8085	H0238	

Hãy lắng tai, nghe tiếng ta; hãy để ý, nghe lời ta!

וְיִשַּׁד	יְפַתֶּח	לִזְרֹעַ	הַחֹרֵשׁ	יַחֲרֹשׁ	הַיּוֹם	הֲכָל	24
và–bừa	có–phải–luôn–xới	để–gieo	người–cày	người–cày–cày	suốt–ngày	Có–phải–suốt–ngày	
H7702		H2232			H3117	H3605	
אַדְמָתוֹ׃							
đất–nó							
H0127							

Kẻ cày để gieo, há hằng ngày cứ cày luôn sao? Há chẳng vỡ đất và bừa hay sao?

חִטָּה	וְשֻׂם	יִזְרֹק	וְכַמֹּן	קֶצַח	וְהֵפִיץ	פְּנֵיהָ	שִׁוָּה	אִם־	הֲלוֹא	25
lúa–mì	và–đặt	cây–hồi	và–rắc	thì–la	thì–rải	mặt–đất	san–bằng	khi	Chẳng–phải	
H2406		H2236	H3646	H7100		H6440			H3808	
גְּבֻלָתוֹ׃	וְכֻסֶּמֶת	נִסְמָן	וּשְׂעֹרָה	שׂוֹרָה						
bên–bờ–ruộng	và–lúa–mạch–đen	nơi–chỉ–định	và–lúa–mạch	thành–hàng						
H1367	H3698	H5567	H8184	H7795						

Khi đã bông bằng mặt đất rồi, há chẳng vải tiểu hồi, gieo đại hồi ư? Há chẳng tỉa lúa mì nơi rãnh, mạch nha nơi đã cắm dấu, và đại mạch trên bờ ư?

יוֹרֵנּוּ׃	אֱלֹהָיו	לַמִּשְׁפָּט	וַיִּסְרֵהוּ	26
dạy–bảo–nó	Đức–Chúa–Trời–nó	đúng–cách	Và–Đức–Chúa–Trời–dạy–nó	
	H0430	H4941	H3256	

Ấy là Đức Chúa Trời dạy và bảo nó cách phải làm.

כַּמֹּן	עַל־	עֲגָלָה	וְאוֹפַן	קֶצַח	יֻדַּשׁ	בֶּחָרוּץ	לֹא	כִּי		27
cây–hồi	trên	xe–bò	và–bánh–xe	thì–la	mà–đập	bằng–bàn–đập	không	Vì		
H3646		H5699	H0212	H7100	H1758		H3808			
בַּשָּׁבֶט׃	וְכַמֹּן	קֶצַח	יֻחַבָּט	בַּמַּטֶּה	כִּי	יוּסַב				
bằng–roi	và–cây–hồi	thì–la	đập	bằng–gậy	vì	cũng–không–lăn				
H7626	H3646	H7100	H2251	H4294		H5437				

Vì người ta chẳng dùng trái lăn mà nghiền tiểu hồi, cũng chẳng cho bánh-xe lăn trên đại hồi; nhưng tiểu hồi thì đập bằng cái que, đại hồi thì đập bằng cái lẻ.

עֻגָלָתוֹ	גַּלְגַּל	וְהָמַם	יְדוֹשֶׁנּוּ	אָדוֹשׁ	לָנֶצַח	לֹא	כִּי	יוּדָק	לֶחֶם	28
xe–bò–nó	bánh–xe	dù–lăn	đập–nó	mà–đập	mãi–mãi	không	vì	được–xay	Lúa–mì	
H5699	H1536	H2000	H1758	H0156	H5331	H3808		H1854	H3899	
יְדֻקֶּנּוּ׃	לֹא־	וּפָרָשָׁיו								
nghiền–nát–nó	không	và–ngựa–nó								
H1854	H3808									

> Người ta vẫn xay lúa mì; những chẳng đập luôn dầu cho hột thóc qua dưới bánh xe hoặc chơn ngựa, song không giập nát.

עֵצָה	הִפְלִיא	יָצָאָה	צְבָאוֹת	יְהוָה	מֵעִם	זֹאת	גַּם־	29
mưu–lược	Ngài–làm–kỳ–diệu	mà–ra	Vạn–Quân	Đức–Giê-hô-va	từ	điều–này	Cũng	
H6098	H6381	H3318		H3068		H2063	H1571	

ס	תּוּשִׁיָּה׃	הִגְדִּיל
[ký hiệu]	sự–khôn–ngoan	Ngài–làm–lớn–lao
	H8454	H1431

> Điều đó cũng ra bởi Đức Giê-hô-va vạn quân, mưu Ngài lạ lùng, sự khôn ngoan Ngài tốt lành.